

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày: 17-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cảnh Ái

Ông Vi Trọng Pháo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Nhận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 19/9/1989 tại xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ là Lê Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2019, đến ngày 25/02/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Lô Văn C, sinh ngày 17/7/1989 tại xã B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: T; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lô Văn T và bà Phạm Thị N; có vợ là Lê Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2019, đến ngày 25/02/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa: Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi làm việc: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: KP.Vĩnh Long, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị O - Sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Đồng Văn L - Sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện kế hoạch tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm đảm bảo trật tự an toàn giao thông số: 03/KHTT-CANX (CSGT) ngày 14/01/2019 của Công an huyện Như Xuân. Theo sự phân công, Tổ 3 gồm các đồng chí Lương Xuân H (Tổ trưởng), Đồng Văn L, Đỗ Đình H, Lê Đức T, Nguyễn Văn T, Quách Văn D thực hiện việc tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm tại tuyến đường Hồ Chí Minh km 615 đến 631, tuY QL Nghi Sơn - Bãi Trành đoạn qua địa phận xã Xuân Bình, Bãi Trành; tuyến đường liên xã, liên thôn Xuân Hòa, Xuân Bình, Bãi Trành.

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/01/2019, Lô Văn C đang ngồi uống rượu đám cưới ở thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thì chị Lê Thị Y gọi điện thoại cho C về đi bốc mía, nghe điện thoại xong C lấy xe máy đi về và gặp các đồng chí Cảnh sát Tổ 3 đang tuần tra, kiểm soát tại đoạn đường Hồ Chí Minh đi Làng Mía, thuộc địa phận thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân. Thấy C không đội mũ bảo hiểm và có biểu hiện uống rượu say nên anh Nguyễn Văn T (thành viên Tổ 3) ra tín hiệu dừng xe, kiểm tra giấy tờ và thổi nồng độ cồn nhưng C không chấp hành và bỏ đi. Tổ công tác đã tạm giữ phương tiện, phân công anh Lê Đức T và anh Quách Văn D đưa xe máy của C về trạm Công an tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, còn các anh Nguyễn Văn T, Đồng Văn L, Lương Xuân H và Đỗ Đình H đi tuần tra kiểm soát tiếp.

Sau khi Lô Văn C không chấp hành yêu cầu kiểm tra giấy tờ xe, thổi nồng độ cồn của tổ công tác và bỏ đi thì C gọi điện thoại cho vợ là Lê Thị H ra đón và gọi chị Lê Thị Y nhờ chị Y chở vào lô bốc mía, sau đó chị H đến và chở C đến quán nước nhà Lục Sang ở ngã ba Lâm Sinh (đầu đoạn đường rẽ vào thôn 10, xã Bãi Trành). Khi đến quán nước thì C nghe mọi người nói tổ công tác đang đưa xe máy của mình về trạm Công an, nên C lấy xe máy của chị H đuổi theo để xin trả xe lại, còn chị H ngồi ở quán và gặp chị Y đi đến, sau đó đuổi theo C, do C không gặp tổ công tác nên cả ba người quay về quán nước nhà Lục Sang, khi đang đi về quán nước thì Phạm Văn T (lấy chị ruột của vợ C) gọi điện thoại cho C hỏi: “*Công an bắt xe chú rồi à, sao lại bắt?*”, C nói: “*Em uống rượu nên Công an bắt xe về trạm rồi!*”, T hỏi tiếp: “*Thế chú đang ở đâu?*”, C nói: “*Em đang ở quán nhà Lục Sang*”. T nói: “*Ở đó chờ anh*”. Khi C, Y và H đang ở quán nhà Lục Sang thì T đi xe máy BKS

36F2 - 7502 đến và hỏi: “Xe chú đâu rồi?”, C nói: “Họ lấy xe em đi về trạm rồi!”, T nói tiếp: “Bọn nó đâu rồi, đi tìm chém chết mẹ nó đi!”. Lúc đó chị Y hỏi C có đi bốc mía được nữa không thì C nói vẫn đi được, rồi nói với chị H về nhà lấy dao và quần áo. Khoảng 10 phút sau, chị H mang dao và quần áo ra, thấy vậy T nói: “Lấy dao vô lùa chém chết mẹ bọn nó đi!”, rồi T chạy lại giành dao với chị H làm chị H bị đứt tay. Thấy vợ bị đứt tay, C vào quán Lực Sang lấy thuốc lòn cầm máu cho vợ, còn T cầm con dao, sau đó dựng dao cạnh xe máy của mình (xe ở lề đường). Sau khi cầm máu cho vợ xong, C ra xe của T ngồi và cầm lấy con dao dựng cạnh đó, đồng thời T lên xe chở C đi vào đoạn đường C bị các đồng chí Cảnh sát trong tổ công tác bắt và tạm giữ xe máy. Đi được khoảng 300 - 400m thì C và T gặp anh Nguyễn Văn T (mặc quân phục màu vàng) lái xe chở anh Đồng Văn L (mặc quân phục màu xanh) ngồi sau đi ngược chiều. Khi cách khoảng 20m, anh T và anh L nhận ra C đang cầm dao là người vừa bị xử lý vi phạm trước đó, đồng thời khi thấy anh T và anh L thì C hô lên: “Đây rồi, đây rồi!”, nghe vậy anh T quay xe lại thì xe bị chết máy nên anh L nhảy xuống xe và chạy vào đồi cao su bên trái của mình, còn anh T sau khi nổ được xe máy thì lái xe đi vào lô cao su phía đối diện. Khi thấy anh L chạy vào lô cao su thì C cầm dao nhảy xuống xe đuổi theo còn T dựng xe ở ngoài và chạy theo sau. Đuổi được khoảng 60 - 70m thì anh L bị ngã, khi đang quay người đứng dậy thì C dùng dao định chém dọc xuống, nhưng anh L lùi lại nên C không chém dọc nữa mà đưa chém ngang sang một nhát nhưng không trúng, anh L định đứng dậy thì C giơ dao ra chỉ vào anh L nói: “Ông quỳ ở đó, không được đứng lên!”, “Đ. mẹ các ông, đoạn đường này mà các ông cũng vào đây làm à?”, rồi lấy điện thoại ra định quay phim thì T chạy đến, C đưa điện thoại cho T bảo T quay phim nhưng T không quay và nói: “Thôi!”, rồi T kéo C ra phía ngoài đường. Khi cách chỗ dựng xe máy khoảng 10 - 15m thì T hỏi: “Thằng áo vàng đâu?”, C nói: “Không biết!”, đồng thời T lấy dao từ C và chạy ra ngoài trước. Ra đến xe thì T gặp chị Y, chị Y nói: “Mày trả dao cho tao để tao về đi làm.”, rồi lấy dao từ tay T và đi về, còn T lái xe chở C về nhà (BL 30 -> 47, 104 -> 113, 133 -> 139, 146, 147).

Ngày 16/01/2019, Lô Văn C và Phạm Văn T đã đến cơ quan Công an huyện Như Xuân đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình (BL 22, 23).

Quá trình điều tra, anh Đồng Văn L và anh Nguyễn Văn T khai nhận: Vào khoảng 13 giờ 45 phút khi đang tuần tra kiểm soát trên đoạn đường liên xã theo hướng đường Hồ Chí Minh vào Làng Mía, thuộc địa phận thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân thì anh L và anh T thấy một thanh niên không đội mũ bảo hiểm và có biểu hiện uống rượu say nên anh T đã ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra giấy tờ và thổi nồng độ cồn. Do người thanh niên không chấp hành nên các anh đã tiến hành lập biên bản vi phạm và tạm giữ phương tiện, được biết người thanh niên đó là Lô Văn C ở thôn Chôi Tròn, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân. Tuy nhiên, C không ký biên bản và bỏ đi. Tổ công tác đã đưa xe vi phạm về trạm Công an tại xã Xuân Bình, còn anh L và anh T tiếp tục đi tuần tra kiểm soát. Khoảng 30 phút sau, khi đang đi đến đoạn Trường mầm non thì anh L và anh T thấy hai người thanh niên điều khiển xe máy đi ngược chiều, người ngồi sau là C cầm một con dao, lúc đó anh T và anh L có nghe C hô: “Đây rồi, đây rồi!”, nghe vậy anh T quay xe lại nhưng xe bị chết máy nên anh L xuống xe và chạy vào lô cao su bên trái của mình, còn anh T thì điều khiển xe chạy về lô cao su đối diện. Sau khi anh L chạy vào lô cao su thì C cầm dao

đuổi theo, chạy được khoảng 60 - 70m thì anh L bị vấp ngã, khi đang đứng dậy thì C chạy đến và vung dao chém bổ dọc xuống một cái, anh L lùi lại nên tránh được, C nói: *“Mày quỳ xuống!”*, anh L không quỳ thì C lại chém ngang một cái nữa nhưng không trúng. Lúc đó thì Phạm Văn T chạy đến và nói: *“Đưa dao đây để tao chém chết mẹ hắn đi, chỉ tao mới chém chết được thôi”*, rồi T lấy dao từ tay C và bảo C quay phim thì anh L nói: *“Anh em bình tĩnh, có gì mình nói chuyện”*, rồi nói với C: *“Chú say rồi, về nghỉ đi, chiều tỉnh táo rồi lên cơ quan giải quyết”*. Nghe xong thì T bảo: *“Thôi, đi tìm thằng kia giết”*, rồi hai người bỏ đi (BL 06 -> 11).

Đối với lời khai của anh Đồng Văn L về việc khi Phạm Văn T chạy đến chỗ anh L và C thì nói: *“Đưa dao đây để tao chém chết mẹ hắn đi, chỉ tao mới chém chết được thôi”*, rồi T lấy dao từ tay C và bảo C quay phim. Quá trình điều tra và đối chất với anh L, T không thừa nhận hành vi này của mình và C cũng khai báo không có hành vi này của T như anh L đã khai báo (BL 54 -> 56).

Quá trình điều tra, lấy lời khai, hỏi cung Lô Văn C và Phạm Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. C khai nhận, trước khi phạm tội đã uống rượu ở đám cưới tại thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, trên đường về đi bốc mía thì bị các đồng chí Cảnh sát trong tổ công tác kiểm tra và tạm giữ phương tiện, xử lý vi phạm nên C đã bức xúc trong người; khi đó T là người đã giúp sức tạo ra những điều kiện về mặt tinh thần và ý chí cho C bằng lời nói, cụ thể như sau: *“Bọn nư (ý nói Cảnh sát giao thông), đi tìm chém chết mẹ nó đi!”*, và giật lấy con dao trên tay chị H, sau đó lấy xe máy của T và cùng C đi tìm các đồng chí Cảnh sát trong tổ công tác đã thu giữ xe của C. Do đó, hành vi của T là đồng phạm ở vai trò giúp sức về mặt ý chí cho C thực hiện hành vi chống các đồng chí Cảnh sát trong tổ công tác đang thi hành công vụ, mục đích đuổi đánh các đồng chí Cảnh sát trong tổ công tác là để đe dọa các đồng chí Cảnh sát trong tổ công tác lần sau không dám làm nhiệm vụ ở đoạn đường Làng Má, thuộc địa phận thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, đồng thời để hạ giân việc các đồng chí Cảnh sát trong tổ công tác đã giữ xe của C trước đó. Lời khai của C và T phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 con dao dài 01m, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, có kích thước rộng 13cm, dài 40cm, mũi bằng; cán dao bằng gỗ dài 60cm, đường kính 03cm, cùng một vỏ đựng dao bằng gỗ, một cạnh bọc bằng kim loại, chiều dài 53cm, rộng 16cm; 01 xe mô tô Honda Dream Exces màu đỏ, nâu, trắng, BKS 36F2 - 7502, số máy: 1096222, số khung: 1096222; 01 đăng ký xe bản C, nhãn hiệu Honda Dream Exces, BKS 36F2 - 7502; tên đăng ký Đàm Anh Tuấn. Cơ quan điều tra đã giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân tạm thời quản lý chờ xử lý.

Các bị cáo Lô Văn C, Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 12/CT-KSĐT-TA ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Lô Văn C về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự (BLHS); truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 330 của BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Lô Văn C, Phạm Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Lô Văn C từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng; và đề nghị xem xét nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, và không tranh luận gì.

Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Đức H bào chữa cho bị cáo Lô Văn C nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố Lô Văn C về tội “Chống người thi hành công vụ”; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, cho bị cáo Lô Văn C được hưởng mức án thấp nhất có thể quy định tại khoản 1 Điều 330 của BLHS; áp dụng điều 65 của BLHS cho bị cáo C được hưởng án treo.

Bên cạnh đó, người bào chữa còn đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lô Văn C.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa và các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/01/2019, tại đoạn đường liên xã theo hướng đường Hồ Chí Minh vào Làng Mía, thuộc địa phận thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như

Xuân, Lô Văn C say rượu và bức xúc về việc bị Tổ công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm Công an huyện Như Xuân (Tổ 3) thu giữ xe trước đó; với sự xúi giục và giúp sức về mặt ý chí của Phạm Văn T; T đã dùng xe của T cùng C đi tìm các đồng chí Cảnh sát trong Tổ công tác đã thu giữ xe của C; C đã dùng dao đuổi chém, đe dọa anh Đồng Văn L và anh Nguyễn Văn T (là thành viên Tổ 3) đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên tuyến đường liên xã, thuộc địa phận thôn 10, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân. Do đó, hành vi của bị cáo Lô Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của BLHS; hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 330 của BLHS.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi và hậu quả thì thấy rằng: Hành vi phạm tội do các bị cáo Lô Văn C, Phạm Văn T thực hiện hết sức mạnh động, táo bạo, quyết liệt và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động công vụ của các cán bộ Công an đang làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được việc chống người thi hành công vụ là vi phạm pháp luật nhưng với thái độ coi thường pháp luật, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, hậu quả làm cho các chiến sĩ Công an không hoàn thành tốt được công việc của nhà nước; không những thế, còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, thiếu tin tưởng vào các cơ quan chức năng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh - trật tự. Vì vậy, cần có đường lối xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn về hành vi “Chống người thi hành công vụ”. Trong vụ án này, Phạm Văn T là đối tượng giữ vai trò chính, xúi giục, kích động, chuẩn bị công cụ, phương tiện cho người khác phạm tội; Lô Văn C là đối tượng thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, bị cáo đã trực tiếp dùng dao đuổi chém, cản trở các cán bộ Công an trong khi thi hành công vụ làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Tổ công tác Công an huyện Như Xuân.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo Lô Văn C, Phạm Văn T đều là những người có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án, phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội đều ra đầu thú; thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm; bị cáo C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời bị cáo là đối tượng người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành những người công dân tốt, đồng thời cũng phù hợp với Điều 65 của BLHS.

[5] Về vật chứng:

- 01 con dao dài 01m, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, có kích thước rộng 13cm, dài 40cm, mũi bằng; cán dao bằng gỗ dài 60cm, đường kính 03cm, cùng một vỏ đựng dao bằng gỗ, một cạnh bọc bằng kim loại, chiều dài 53cm, rộng 16cm là công cụ phạm tội của các bị cáo và là những vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe mô tô Honda Dream Exces màu đỏ, nâu, trắng, BKS 36F2 - 7502, số máy: 1096222, số khung: 1096222; 01 đăng ký xe bản chính, nhãn hiệu Honda Dream Exces, BKS 36F2 - 7502; tên đăng ký Đàm Anh Tuấn đã được xác minh rõ về nguồn gốc, việc trả lại vật chứng không làm ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, vì vậy cần trả lại chiếc xe trên cho người quản lý hợp pháp là bà Lê Thị O.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lô Văn C là đối tượng người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; gia đình thuộc hộ cận nghèo của địa phương. Căn cứ vào đơn xin miễn nộp tiền án phí của bị cáo; căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T).

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo C).

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 (đối với bị cáo T); điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo C) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Lô Văn C phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Lô Văn C 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn T, Lô Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao dài 01m, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, có kích thước rộng 13cm, dài 40cm, mũi bằng; cán dao bằng gỗ dài 60cm, đường kính 03cm, và 01 vỏ đựng dao bằng gỗ, một cạnh bọc bằng kim loại, chiều dài 53cm, rộng 16cm.

- Trả lại cho bà Lê Thị O 01 chiếc xe mô tô Honda Dream Exces màu đỏ, nâu, trắng, BKS 36F2 - 7502, số máy: 1096222, số khung: 1096222; và 01 đăng ký xe bản C, nhãn hiệu Honda Dream Exces mang tên Đàm Anh Tuấn.

Các vật chứng trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân quản lý, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 14 ngày 19/4/2019 giữa Công an huyện Như Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lô Văn C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND H.Như Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- UBND xã Bãi Trành, H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh